TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị An.

2. Ông Vũ Thanh Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (Chị N có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh Huỳnh Văn T cưới nhau vào năm 1996, đến năm 2002 mới đăng

ký kết hôn và được UBND xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 14/11/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Về sau, anh T ngoại tình và có làm đơn xin ly hôn chị N, nhưng sau đó anh T rút đơn nên Tòa án đình chỉ giải quyết. Giữa vợ chồng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống không thể tự giải quyết, dẫn đến cả hai không còn tình cảm và không còn chung sống với nhau. Nay chị N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N trình bày giữa chị và anh T có với nhau 03 đứa con chung lần lượt tên Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 21/7/1997, giới tính nữ; Huỳnh Văn Q, sinh năm 1999, giới tính nam và Huỳnh Thị Yến N2, sinh ngày 05/12/2007, giới tính nữ. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi Huỳnh Thị Yến N2 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Huỳnh Thị Mỹ H và Huỳnh Văn Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày giữa chị và anh T sẽ tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 07/8/2020, bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày: Anh và chị N chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 14/11/2002. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Nay chị N nộp đơn ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn. Về con chung, anh T đồng ý giao con chung tên Huỳnh Thị Yến N2, sinh ngày 05/12/2007 cho chị N trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng chi phí nuôi con. Về tài sản chung sẽ tự thỏa thuận, về nợ chung thì không có.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Một bản trích lục kết hôn giữa chị N và anh T (bản sao); 03 trích lục khai sinh của con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H, Huỳnh Văn Q và Huỳnh Thị Yến N2 (bản sao); các giấy tờ về nhân thân của chị N, anh T (bản phô tô chứng

thực); 01 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H (bản chính).

Ngày 07/9/2020, anh T làm đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T và yêu cầu được quyền nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh Văn T có nơi cư trú tại ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào bản trích lục kết hôn số 261/TLKH-BS ngày 17/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã T và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn T có quan hệ hôn nhân, được UBND xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cho đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2002, số 132, nên đây là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy chị N trình bày cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn là do anh T ngoại tình. Anh T có làm đơn xin ly hôn chị N, nhưng sau đó anh T rút đơn nên Tòa án đình chỉ giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H. Tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã rạn nứt dẫn đến không thể tiếp tục chung sống với nhau. Qua xác minh tại địa phương của chị N và anh T sinh sống thì địa phương không rõ việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, anh T làm đơn xin vắng mặt, không muốn hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quan hệ hôn nhân cho anh, chị. Anh T cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị N. Điều này chứng tỏ chị N và anh T không có mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Xét thấy giữa chị N và anh T không còn tồn tại nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn chung sống với nhau; hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có với nhau 03 đứa con chung lần lượt tên Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 21/7/1997, giới tính nữ; Huỳnh Văn Q, sinh năm

1999, giới tính nam và Huỳnh Thị Yến N2, sinh ngày 05/12/2007, giới tính nữ. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi Huỳnh Thị Yến N2 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh T có ý kiến đồng ý giao cháu N2 cho chị N trực tiếp nuôi, phù hợp với nguyện vọng của cháu N2 muốn được sống với mẹ là chị N, nên cần tiếp tục giao cháu N2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Đối với con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H và Huỳnh Văn Q đã trưởng thành, các bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T đều trình bày giữa anh, chị tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung và không có nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cháu Huỳnh Thị Yến N2, sinh ngày 05/12/2007, giới tính nữ cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003742 ngày 21/7/2020 của Chi cục T hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, chị N không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 của Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật T hành án dân sự; Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- UBND xã T, HT-KG;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Chí Dũng